TÒA ÁN ND HUYỆN N **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1956 "có mặt"

Địa chỉ: Phố S, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Hà Tuấn C, sinh năm 1973 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Muối, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trịnh Xuân L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 22/4/2016 ông có cho anh Hà Tuấn C vay số tiền 34.000.000đ (ba mươi bốn triệu đồng).

Khi vay hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 22/7/2016, không thỏa thuận lãi suất. Kể từ ngày đến hạn thanh toán anh C không thanh toán trả cho ông được đồng tiền nào mặc dù ông đã đi đòi nhiều lần nhưng lần nào anh C cũng khất lần không chịu thanh toán trả ông.

Nay ông yêu cầu anh C thanh toán trả ông số tiền nợ gốc 34.000.000đ và yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn thanh toán 22/7/2016 đến ngày xét xử vụ án 24/7/2018 là 24 tháng 02 ngày nhưng ông đề nghị tính 24 tháng tiền lãi. Việc anh C khai có thế chấp cho ông 01 đăng ký xe máy WIN, 01 khẩu súng hơi và thanh toán trả được cho ông 8.000.000đ tiền nợ gốc là không đúng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Về lãi suất chậm thi hành án ông yêu cầu anh C trả ông theo mức lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thi hành.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Hà Tuấn C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 22/4/2016 anh có vay của ông Trịnh Xuân L số tiền 34.000.000đ, khi vay hai bên có làm giấy tờ biên nhận vay tiền và thỏa thuận thời hạn thanh toán ngày 22/7/2016 sẽ thanh toán trả ông L số tiền này. Khi vay anh có thế chấp cho ông L 01 xe máy, 01 đăng ký xe máy WIN và 01 khẩu súng hơi tuy nhiên sau đó ông L cho anh mượn lại xe máy để đi lại còn ông L vẫn giữ của anh 01 đăng ký và 01 khẩu súng hơi. Kể từ khi vay anh có thanh toán trả cho ông L được 8.000.000đ tiền gốc. Tuy nhiên việc cắm giấy đăng ký xe, khẩu súng hơi và thanh toán số tiền 8.000.000đ anh không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến việc thế chấp giấy đăng ký xe, súng hơi và thanh toán số tiền gốc 8.000.000đ này. Nay ông L khởi kiện yêu cầu anh thanh toán trả ông số tiền nợ gốc 34.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật, anh không đồng ý mà anh chỉ đồng ý thanh toán trả ông L số tiền gốc 34.000.000đ mà không đồng ý thanh toán trả lãi. Do điều kiện kinh tế khó khăn anh xin được trả ông L số tiền gốc 34.000.000đ một lần vào cuối năm 2018.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hà Tuấn C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471, 474, 476, 477 BLDS năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của ông L buộc anh C phải thanh toán trả cho ông L số tiền nợ gốc 34.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/7/2016 đến ngày xét xử 24/7/2018 là 24 tháng: 34.000.000đx0,75%/tháng x24 tháng = 6.120.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 40.120.000đ.

Anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Hà Tuấn C, nhưng anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy quyền lợi của anh C đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]*Về nội dung vụ án:*

[2.1] Nội dung quan hệ tranh chấp: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 22/4/2016 ông L có cho anh C vay số tiền 34.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận, thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 22/7/2016 và không thỏa thuận lãi suất. Anh C thừa nhận anh có vay tiền của ông L số tiền 34.000.000đ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận anh Hà Tuấn C còn nợ ông Trịnh Xuân L số nợ gốc 34.000.000đ. Ngoài ra anh C còn phải chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền chậm trả. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 BLDS năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của ông Trịnh Xuân L thì trong quá trình cho vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, do anh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông L yêu cầu anh C thanh toán lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/7/2016 là có căn cứ.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch giữa ông Trịnh Xuân L và anh Hà Tuấn C được thực hiện ngày

22/4/2016 trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu L, do đó sẽ áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, áp dụng. Như vậy, phần lãi sẽ được tính như sau:

Tiền lãi đối với nợ gốc quá hạn (từ 22/7/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 24 tháng): 34.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 24 tháng = 6.120.000đ.

Vậy, tổng cả gốc và lãi anh Hà Tuấn C phải thanh toán trả ông Trịnh Xuân L là 34.000.000đ+ 6.120.000đ = 40.120.000đ.

[3]*Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L được chấp nhận nên anh Hà Tuấn C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 BLDS năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 BLDS năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân L.

Buộc anh Hà Tuấn C phải thanh toán trả ông Trịnh Xuân L số tiền nợ gốc là 34.000.000đ và 6.120.000đ tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là 40.120.000đ (Bốn mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

2. Án phí: Anh Hà Tuấn C phải chịu 2.006.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Trịnh Xuân L số tiền 850.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0003151 ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- TAND tỉnh Bắc Giang
-VKSND huyện N;
-THADS huyện N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hường